

Số: 03/2025/QĐST-DS

Sơn La, ngày 15 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1932; Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1936. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố X, phường M, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình L và bà Phạm Thị Q: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1972 và ông Nguyễn Đình Q sinh năm 1972. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố X, phường M, tỉnh Sơn La (Theo Văn bản ủy quyền ngày 25/7/2025).

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Thúy N, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường M, tỉnh Sơn La.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định diện tích đất 63,5m², thuộc tờ bản đồ số 24, tại Tổ dân phố X, phường M, tỉnh Sơn La là lỗi đi chung.

Lỗi đi chung có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông Bắc giáp đất nhà L – Q và giáp đất nhà T (Giáp đất nhà L – Q: Từ M1 đến M2 là 1,64m, từ M2 đến M3 là 0,59m, từ M3 đến M4 là 2,28m, từ M4

đến M5 là 3,06m, từ M5 đến M6 là 5,92m; Giáp đất nhà T: Từ M6 đến M7 là 14,76m).

+ Phía Đông Nam giáp đường bê tông của khu dân cư (Từ M7 đến M8 là 2,10m).

+ Phía Tây Nam giáp đất nhà L (Từ M8 đến M9 là 16,86m; từ M9 đến M10 là 10,38m; từ M10 đến M11 là 0,85m).

+ Phía Tây Bắc giáp đất (phía có cầu sắt) do bà N quản lý (Từ M11 đến M1 là 4,22m).

(Có sơ đồ lối đi chung kèm theo)

2.2. Bà Bùi Thị Thúy N phải tháo dỡ, di dời 01 cổng bằng thép hộp có diện tích 4,41m² (dài 2,1m, rộng 2,1m) trên lối đi chung.

2.3. Ông Nguyễn Đình L và bà Phạm Thị Q tự nguyện hỗ trợ cho bà Bùi Thị Thúy N công tôn tạo, đổ đường bê tông lối đi chung.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Ông Nguyễn Đình L và bà Phạm Thị Q tự nguyện xin chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.044.000 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) và chi phí định giá tài sản là 600.000 (*Sáu trăm nghìn đồng*), tổng cộng là 1.644.000 đồng (*Một triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình L và bà Phạm Thị Q đã nộp đủ tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 1.644.000 đồng (*Một triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

2.5. Về án phí: Bà Bùi Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 6 – Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 6 – Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đỗ Thị Thu Trang

